

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/ DS-ST

Ngày: 09 - 4 - 2025

Vv tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Chí Ngãi.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trịnh Thị Thanh Thúy;
- Ông Trần Thanh Duy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2024/TLST-DS, ngày 18 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/TLST-DS, ngày 10 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan L, sinh năm 1954. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Hoàng T, sinh năm 1982. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (theo Giấy ủy quyền ngày 02/12/2024 được UBND xã N Trung, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi xác nhận ngày 13/12/2024).

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Hữu N, sinh năm 1986. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 11 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Về mối quan hệ:

Nguyên đơn, ông Phan L và bị đơn, ông Ngô Hữu N có mối quan hệ quen biết do mua, bán cau nên ngày 15 tháng 12 năm 2018 ông L có cho ông N vay số tiền 245.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng*), lãi suất khi vay hai bên thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng, thời hạn vay một năm tính từ ngày vay, mục đích vay để ông N có vốn mua bán cau. Số tiền 245.000.000 đồng mà ông L cho ông N vay là tiền của cá nhân ông L và ông L thực hiện cho vay với cá nhân ông N, không liên quan đến ai khác.

Đến ngày 31 tháng 01 năm 2019, ông N đã trả được cho ông L số tiền 6.900.000 đồng (*Sáu triệu chín trăm nghìn đồng*) nợ gốc, còn lại 238.100.000 đồng nợ gốc chưa trả. Từ ngày vay mãi đến nay ông N chưa trả được bất kỳ một khoản tiền nợ lãi nào cho ông L.

Nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N phải trả nợ cho ông (L) số tiền nợ gốc 238.100.000 đồng (*Hai trăm ba mươi tám triệu, một trăm nghìn đồng*). Ông L không yêu cầu ông N trả tiền lãi.

Bị đơn không có văn bản trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 03 tháng 11 năm 2024 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn; Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến nên đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Việc vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn có viết giấy mượn tiền đề ngày 15 tháng 12 năm 2018, nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 245.000.000 đồng, có ghi mức lãi nhưng không ghi rõ lãi suất là bao nhiêu, theo nguyên đơn trình bày mức lãi suất là 1,5%/tháng và thỏa thuận trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn vào ngày 15 hàng tháng.

Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự thì “Khi đến hạn trả bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. Ngày 31 tháng 01 năm 2019, ông N đã trả cho ông L số tiền 6.900.000 đồng nợ gốc, còn lại 238.100.000 đồng, kể từ đó cho đến nay chưa trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận cho nguyên đơn. Tính đến ngày 31 tháng 01 năm 2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 238.100.000 đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu, một trăm nghìn đồng); nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc này cho nguyên đơn và không yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận phù hợp với khoản 2 Điều 155, Điều 280, Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị đơn phải nộp 11.905.000 đồng (Mười một triệu, chín trăm lẻ năm nghìn đồng). Trên số tiền buộc phải trả cho nguyên đơn được Tòa án chấp nhận (238.100.000 đồng x 5%).

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 155, Điều 280, Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Ngô Hữu N phải trả cho ông Phan L số tiền 238.100.000 đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu, một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ngô Hữu N phải nộp 11.905.000 đồng (Mười một triệu, chín trăm lẻ năm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, sung vào ngân sách Nhà nước.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Chí Ngải